TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:**65/**2023/HNGĐ-PT
Ngày: 24/4/2023
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Phan Quyết Thắng**
Các Thẩm phán: **Ông Nguyễn Đức Lập**
Ông Hoàng Chí Nguyện
Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Hồng Nhung**
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Đặng Thị Sơn Cầm- Kiểm sát viên

Ngày 24/4/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân & Gia đình thụ lý số 44/2023/TLPT-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023 về việc "Ly hôn".

Do Bản án Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm số 84/2022/HNGĐ-ST ngày 05/12/2022 của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 75/2023/QĐXX-PT ngày 30/3/2023, giữa:

**** Nguyên đơn:*** Ông Lê Mạnh C**,** sinh năm 1969
HKTT: P 106 P1 phường M, quận H, Hà Nội.
**** Bị đơn:*** Bà Trần Thị Hương T**,** sinh năm 1979.
HKTT: P 106 P1 phường M, quận H, Hà Nội.
Hiện ở: huyện L, Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là ông Lê Mạnh C trình bày:***

Về tình cảm: Ông Lê Mạnh C, bà Trần Thị Hương T tự nguyện kết hôn và đăng ký tại UBND phường T Mai, H, Hà Nội vào ngày 22 tháng 07 năm 1997. Đây là lần kết hôn đầu tiên của ông bà. Sau khi kết hôn đến nay ông bà sống ở Phòng 106 P1 phường T , quận H, Thành phố Hà Nội cho đến khi nộp đơn ly hôn. Hiện ông đang tạm trú tại tầng 1, Tòa nhà S2 Goldmark City, 136 Hồ Tùng Mậu, Phú Diễm, Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Quá trình chung sống, ông C, bà T phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và có dấu hiệu rạn nứt tình cảm, mâu thuẫn trở nên trầm trọng khi chị T có quan hệ ngoại tình. Mâu thuẫn xảy ra ông C, bà T đã ngồi lại với nhau rất nhiều

lần để tìm hướng khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Do không có tiếng nói chung nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hai bên gia đình đã khuyên nhủ nhưng ông C, bà T vẫn đánh chửi nhau, cuộc sống chung không có hạn phúc, cả hai không còn dành sự quan tâm chia sẻ cho nhau. Bà T có lời nói, ứng xử không tôn trọng gia đình nhà chồng, cháu Sang(con trai của ông C , bà T) đã phải bỏ nhà ra đi vì mâu thuẫn của vợ chồng chúng tôi. Thời điểm này ông C, bà T đã sống ly thân.

Ông C khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông C, bà T cã 02 con chung là cháu Lê Thị Ngọc L - sinh ngày 19/10/1997, cháu Lê Đình Quang S- sinh ngày 27/7/2005. Ly hôn, nguyện vọng của ông C là trực tiếp nuôi Lê Đình Quang S, do cháu Lê Thị Ngọc L đã đủ 18 tuổi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, ông C không yêu cầu bà Trần Thị Hương T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Hiện nay, ông C đang làm ở công ty Cổ phần giáo dục TOMRROW Việt Nam. Thu nhập trung bình là 8.700.000 đồng/01 tháng.

Về tài sản chung (động sản, bất động sản) : Ông C, bà T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông C, bà T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông C tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí ly hôm sơ thẩm.

**** Bà Trần Thị Hương T trình bày:***

Về tình cảm: Bà T xác nhận lời trình bày của ông C là đúng về thời gian và điều kiện kết hôn. Đây là lần kết hôn đầu tiên của ông bà. Sau khi kết hôn đến nay ông bà sống ở Phòng 106 P1 phường T Mai, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

Bà T đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, bà không đồng ý với yêu cầu ly hôn của ông C vì bà không có quan hệ ngoại tình như ông C trình bày, còn việc trên zalo và mạng xã hội bà chỉ nói chuyện không phải bằng chứng về việc bà ngoại tình. Bà T yêu cầu ông C nộp các chứng cứ cho Tòa án về việc bà ngoại tình. Khi bà đi viện ông C và cả gia đình ông C không quan tâm chăm lo cho bà. Nay ông C khởi kiện ly hôn, bà T xác nhận tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông C, bà T cã 02 con chung là chị Lê Thị Ngọc L - sinh ngày 19/10/1997, anh Lê Đình Quang S- sinh ngày 27/7/2005. Ly hôn, nguyện vọng của bà T là trực tiếp nuôi Lê Đình Quang S, do cháu Lê Thị Ngọc L đã đủ 18 tuổi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, bà T không yêu cầu ông Lê Mạnh C đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung (động sản, bất động sản) : Ông bà không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chúng tôi không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà T đồng ý để ông C tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí lý hôn sơ thẩm.

Tại Bản án số …./2022/HNGĐ - ST ngày 05/12/2022 của Tòa án nhân dân quận H, Hà Nội đã xử và quyết định: Căn cứ Điều 55, điều 81, điều 82, điều 83, điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 4 điều 147, Điều 143; 177, 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ Nghị quyết số 326 /2016/UBTVQH14 ngày 26 tháng 12 năm 2016 của UBTV Quốc hội. ***Xử:***

1. Tình cảm: Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Mạnh C. Ông C được ly hôn với bà Trần Thị Hương T.

2. Con chung: Xác nhận chị Lê Thị Ngọc L - sinh ngày 19/10/1997, anh Lê Đình Quang S- sinh ngày 27/7/2005 là con chung của ông C và bà T. Do chị Lê Thị Ngọc L đã trưởng thành có gia đình nên Hội đồng xét xử không xem xét, giao cháu Lê Đình Quang S cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Tạm hoãn việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung đối với bà T cho đến khi có quyết định khác.

Bà T đươc quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3. Tài sản chung: Ông C, bà T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Nợ chung: Ông C, bà T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 06/12/2022, bà Trần Thị Hương T kháng cáo toàn bộ bản án với lý do:

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ.

Bà Trần Thị Hương T trình bày: Bà không đồng ý ly hôn với ông C. Mặc dù tình cảm vợ chồng đã từ lâu không còn nhưng do con chung của ông bà chưa trưởng thành và xây dựng gia đình riêng nên bà không đồng ý ly hôn. Do cần việc làm và thu nhập nên bà phải đi làm phụ hồ. Quá trình làm việc, ông C có nghi ngờ bà có quan hệ ngoại tình. Việc ông C nghi ngờ bà có quan hệ ngoại tình là không có căn cứ. Nay bà việc làm ở Lâm Thao, Phú Thọ nên đã chuyển về đó vừa làm việc và vừa gần nhà bố mẹ đẻ. Về tài sản, công nợ thì không có. Về con cái thì cháu thứ hai cũng sắp đủ 18 tuôi nên bà cũng không thắc mắc gì.

Ông Lê Mạnh C trình bày: Những căn cứ là tin nhắn ông đã xuất trình tại tòa án sơ thẩm và qua tìm hiểu từ nhiều người và cảm nhận của ông trong cách cư xử của bà T hàng ngày thì bà T đã có quan hệ ngoại tình. Ngoài chuyện bà T ngoại tình ra thì bà T còn có những lời lẽ xúc phạm bố mẹ và gia đình bên nhà chồng rất nặng nề. Việc mâu thuẫn càng trầm trọng khiến ông phải đi ra ngoài để thuê chỗ ở riêng. Nay

ông xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên đề nghị Tòa án cho ông được ly hôn với bà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Các đương sự và hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của người kháng cáo nằm trong thời hạn nên chấp nhận.

Về nội dung: Xét thấy việc bà T không đồng ý ly hôn nhưng mâu thuẫn giữa ông bà đã trầm trọng không thể hàn gắn được, bản thân bà T cũng không có giải pháp để hàn gắn tình cảm, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau và mỗi người đều ở một nơi nên cấp sơ thẩm giải quyết cho ông bà ly hôn là có cơ sở. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà T và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của người kháng cáo nằm trong thời hạn kháng cáo, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận đưa ra xét xử phúc thẩm.

Về nội dung: Xét thấy việc bà T không đồng ý ly hôn vì con nhỏ của ông bà chưa xây dựng gia đình là không phù hợp. Mặt khác, bà T và ông C cũng thừa nhận vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm đến nhau nữa nên Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết cho ông bà ly hôn là có căn cứ. Do dó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà T và giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật..

Về án phí: Bà Trần Thị Hương T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Hương T. Giữ nguyên Bản án số 84/2022/HNGĐ - ST ngày 05/12/2022 của Tòa án nhân dân quận H, Hà Nội.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Hương T phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 50979 ngày 06/12/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, Hà Nội.

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- *VKSND TP. Hà Nội;*
- *TAND quận Hoàng Mai, HN;*
- *Chi cục THADS quận Hoàng Mai, HN;*
- *Đương sự;*
- *Lưu: HS, VP.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Quyết Thắng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**